

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 44/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 13-5-2019

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My My

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bạ

2. Ông Lê Đình Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Nguyễn Hiền - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: Không tham gia phiên tòa

Ngày 13 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 971/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị O - Sinh năm: 1980 (Có mặt)

Cư trú tại: Đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Anh Đào Quang M - Sinh năm: 1973 (Vắng mặt)

Cư trú tại: Đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị O trình bày:**

Chị O và anh Đào Quang M tự nguyện chung sống với nhau và có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 27 tháng 4 năm 1998.

Vợ chồng anh chị sống với nhau thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng chỉ được một thời gian thì anh M không chịu làm kinh tế dẫn đến kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, mọi chi tiêu trong gia đình đều do một mình chị O lo toan, gánh vác nên vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Mới đầu chỉ vài ba

câu nói nhưng càng về sau những trận cãi vã càng nhiều, con cái mỗi ngày mỗi lớn, chị O không muốn con cái phải chứng kiến cảnh ba mẹ suốt ngày cãi nhau sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý của các con. Từ tháng 10 năm 2018 chị và anh M đã sống ly thân cho đến nay.

Nay chị O xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Đào Quang M và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đào Quang M.

Về con chung: Chị O và anh M có 02 con chung là cháu Đào Thị Mỹ L, sinh ngày: 11/6/1997 và cháu Đào Quang V, sinh ngày: 06/3/2003. Hiện nay cháu L đã trên 18 tuổi nên cháu muốn ở với ai là quyền của cháu chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn O có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị O không yêu cầu anh Đào Quang M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Chị O xác định vợ chồng chị không nợ ai và không ai nợ vợ chồng chị.

*** Bị đơn anh Đào Quang M** đã được Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột triệu tập nhiều lần nhưng anh M không đến Tòa án làm việc, do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của bị đơn và cũng không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Đào Quang M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng anh M không đến Tòa án tham gia tố tụng, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đào Quang M là đảm bảo đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị O yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với anh Đào Quang M. Yêu cầu giải quyết của đương sự là theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Qua bản tự khai, lời khai của nguyên đơn, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đều thể hiện quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 27 tháng 4 năm 1998. Nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị O và anh Đào Quang M là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Tại phiên tòa, chị O xác định hiện nay chị không còn tình cảm vợ chồng với anh M nữa. Quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh M không gánh trách nhiệm là một người chồng, một người cha trong gia đình, không chịu lao động làm kinh tế gia đình

mà bỏ mặc cho một mình chị lo toan trang trải cho cuộc sống thường ngày của gia đình. Kinh tế gia đình ngày càng nhiều khó khăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay và cũng từ đó đến nay chị O và anh M chưa một lần đoàn tụ chung sống cùng với nhau nên mong muốn Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đào Quang M.

Hội đồng xét xử xét thấy; Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị O và anh Đào Quang M đã kéo dài, chị O và anh M đã không còn chung sống với nhau cùng một mái nhà, cuộc sống chung giữa hai vợ chồng chị O không tiếp tục duy trì hàn gắn được, vì hạnh phúc vợ chồng không còn nữa nên mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị O, là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị O và anh M có 02 con chung là cháu Đào Thị Mỹ L, sinh ngày: 11/6/1997 hiện nay cháu L đã đủ 18 tuổi, chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

Cháu Đào Quang V, sinh ngày: 06/3/2003 chị O mong muốn được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy, Cháu V từ trước đến nay sống cùng với chị O và nguyện vọng của cháu V được sống cùng với mẹ. Để đảm bảo sự phát triển về thể chất và tinh thần của cháu Đào Quang V nên giao cháu Đào Quang V cho chị Nguyễn Thị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị O không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị O không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị O phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị O. Chị Nguyễn Thị O được ly hôn với anh Đào Quang M.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đào Quang V, sinh ngày: 06/3/2003 đến tuổi trưởng thành.

Anh Đào Quang M không phải cấp dưỡng nuôi con chung

Anh Đào Quang M được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung

Về án phí: Chị Nguyễn Thị O phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị O đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2017/0008437 ngày 06 tháng 11 năm 2018.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP. B;
- UBND phường T, TP.B
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị My My